

XÁC ĐỊNH TÊN KHOA HỌC, TÊN TIẾNG VIỆT VÀ ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI CỦA “CÁ TRÔI TRƯỜNG GIANG” ĐANG NUÔI TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Văn Hào¹, Phạm Đức Lương¹, Vũ Thị Hồng Nguyên¹

TÓM TẮT

“Cá Trôi Trường Giang” là loài cá được nhập từ Trung Quốc qua đường tiểu ngạch vào nước ta từ năm 2003. Qua 6-7 năm nuôi dưỡng, loài cá này đã trở thành đối tượng nuôi phổ biến và đã tạo ra một lượng sản phẩm khá lớn trên thị trường ở nước ta. Tuy nhiên vẫn chưa ai biết được tên khoa học của nó và tên tiếng Việt có đúng với tập tính và nguồn gốc của cá hay không? Đối chiếu với loài cá Trôi Trường Giang nguyên gốc của Trung Quốc có tên khoa học là *Sinilabeo decorus* (Peters, 1880) thuộc giống *Sinilabeo* Rendahl, 1932, phân họ Labeoninae, họ Cyprinidae, bộ Cypriniformes phân bố ở sông Trường Giang và một số sông lớn ở phía Nam Trung Quốc thì “Cá Trôi Trường Giang” nhập vào nước ta có đặc điểm khác hoàn toàn. Sau một thời gian nghiên cứu đã xác định loài cá này có tên khoa học là *Prochilodus lineatus* (Valenciennes, 1836) thuộc giống *Prochilodus* Agassiz, 1829, họ Prochilodontidae, bộ Characiformes. Cá này phân bố chủ yếu ở các nước thuộc Nam Mỹ như Paraguay, Arhentina, Bolivia, Brazil, v.v... Ngay trong các sông ở Trung Quốc cũng không có loài cá này sống tự nhiên mà nó được nhập từ Nam Mỹ vào năm 1996 với tên là *Prochilodus scrofa* Steindachner, 1881, một trong các tên đồng vật của loài *P. lineatus* (Valenciennes, 1836). Do đó cá này tên tiếng Việt gọi là “cá Trôi Trường Giang” là không phù hợp với nguồn gốc và tập tính của cá. Dựa vào hình dáng và tập tính sinh sống và nguồn gốc của loài thì gọi là Cá Trôi Nam Mỹ là chính xác hơn cả.

Từ khoá: Cá Trôi Nam Mỹ *Prochilodus lineatus* (Valenciennes), *Prochilodus*, *Prochilodontidae*, *Characiformes* nuôi tại Việt Nam.

I. MỞ ĐẦU

“Cá Trôi Trường Giang” là loài cá đang được nuôi phổ biến ở nhiều nơi trên toàn quốc và bán thường xuyên trên các thị trường. Cá được nhập tự do theo đường tiểu ngạch từ Trung Quốc vào nước ta. Cá đã tồn tại 7-8 năm nay trong ao nuôi và cũng có mặt trong nhiều vực nước sông hồ tự nhiên. Nó đã trở thành nguồn lợi của nghề cá nước ngọt nước ta. Tuy vậy cho tới nay chưa ai biết được tên khoa học của loài cá này thuộc loài, giống, họ, bộ nào. Người dân gọi là “cá Trôi Trường Giang”, một số nơi còn gọi là “cá Vược nước ngọt” hay “cá Vược sông”. Các tên gọi này có đúng với tên gốc, có phù hợp với nguồn gốc và đặc điểm của chúng hay không cũng chưa hay biết. Việc xác định tên khoa học, tên tiếng Việt cho đúng và phù hợp với đối tượng cá nuôi này là việc cấp thiết và cần làm. Sau gần nửa năm nghiên cứu đã xác định được “cá Trôi Trường Giang” có tên khoa học là *Prochilodus lineatus* (Valenciennes, 1836) thuộc giống *Prochilodus* Agassiz, 1829, họ Prochilodontidae, bộ Characiformes và có nguồn gốc từ Nam Mỹ được nhập vào Trung Quốc năm 1996, vào nước ta năm 2003.

Bài viết này nhằm xác định tên loài cá trong hệ thống phân loại chung, mô tả đặc điểm hình thái, so sánh với các loài gần nó và xác định tên tiếng Việt cho phù hợp với nguồn gốc và đặc tính của cá; đồng thời nêu lên sự phân bố của nó trên thế giới và việc nhập vào nuôi ở nước ta.

II. TÀI LIỆU MẪU VẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Tài liệu và mẫu vật

Nghiên cứu được tiến hành dựa vào tài liệu phân loại cá nước ngọt Việt Nam của Nguyễn Văn Hào (2005 a và 2005 b), tài liệu Trung Quốc của Yue và nnk. (2000) và Ma X. và nnk. (2003) và Nam Mỹ của Castro và Vari (2004).

Nghiên cứu dựa trên các mẫu cá lưu trữ tại Bảo tàng Cá - Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản I ngày 20/8/2003 và cá mẫu thu ở các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh và tại Viện NCNTTS I từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2009.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đặc điểm hình thái và các số liệu đo đếm mô tả loài dựa vào tài liệu của Nguyễn Văn Hào (2005 a) và của Castro và Vari (2004). Các phân tích

¹ Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản I

được so sánh, đối chiếu với các kết quả công bố trên Fishbase (Froese và Pauly, 2009).

3. Các ký hiệu viết tắt dùng trong báo cáo

TT	Ký hiệu	Nội dung	TT	Ký hiệu	Nội dung
1	D	Vây lưng	10	Lcd	Chiều dài cán đuôi
2	A	Vây hậu môn	11	ccd (h)	Chiều cao cán đuôi (chiều cao nhỏ nhất của thân)
3	P	Vây ngực	12	Ot	Chiều dài mõm
4	V	Vây bụng	13	O	Đường kính mắt
5	C	Vây đuôi	14	Op	Phần đầu sau mắt
6	Ll	Vây đường bên	15	OO	Khoảng cách hai mắt
7	L	Chiều dài toàn bộ cá	16	PV	Khoảng cách giữa vây ngực và vây bụng
8	Lo	Chiều dài cá bỏ đuôi	17	VA	Khoảng cách giữa vây bụng và vây hậu môn
9	H	Chiều cao lớn nhất của thân	18	T	Chiều dài của đầu

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Xác định tên khoa học

a. Hệ thống phân loại

Bộ Characiformes; Họ Prochilodontidae; giống *Prochilodus* Agassiz, 1829

b. Tên khoa học loài *Prochilodus lineatus* (Valenciennes, 1836)

c. Các tên đồng vật theo Castro & Vari (2004)

Pacu lineatus Valenciennes trong D' Orbigny, 1836; trang Pl.8, hình 3. (type locality: designated by Valenciennes in Cuvier and Valenciennes, 1850: 84).

Paca lineatus Jardine, 1841:258 (Guiana; generic name modified) Valenciennes in D'Orbigny, 1847, pl.8; fig 3 (illustration of species).

Prochilodus lineatus Valenciennes in Cuvier and Valenciennes 1850:84 [Valenciennes de la Plata a Buenos Ayres (= Rio de la Plata, at Buenos Aires)].

Prochilodus scrofa Steindachner, 1881:129 [Page 29 of Separate] pl. 6, jig.2 [type locality: Umgebung Von Rio Janeiro vielleicht aus dem Rio Parahyba (= Brazil), Vicinity of Rio de Janeiro, perhaps Rio Paraiba do Sul; restricted herein to Brazil, Rio de Janeiro, Rio Paraiba do Sul].

2. Xác định tên tiếng Việt

Tên cá khi nhập vào nước ta được gọi là “Cá Trôi Trường Giang”, nghĩa là cá Trôi có nguồn gốc

từ sông Trường Giang Trung Quốc. Cá Trôi Trường Giang gốc ở vùng Trường Giang Trung Quốc có tên là *Sinilabeo decorus* (Peters, 1880) thuộc giống *Sinilabeo* Rendahl, 1932, họ Cyprinidae, bộ Cypriniformes. Đặc điểm chủ yếu của giống này là: Miệng ở phía dưới, có rãnh sau môi liên tục, có hai đôi râu, có răng hầu 3 hàng, trước vây không có gai úp hướng trước phân hai và không có sống lưng, bụng tròn, không có lườn bụng, không có vây mỡ ở sau vây lưng, thân phủ vẩy tròn, phân bố ở sông Trường Giang và một số sông lớn ở phía Nam Trung Quốc (Yue et al., 2000). Còn “Cá Trôi Trường Giang” nhập vào Việt Nam có tên khoa học là *Prochilodus lineatus* (Valenciennes, 1836) thuộc giống *Prochilodus* Agassiz, 1829, họ Prochilodontidae, bộ Characiformes. Đặc điểm chủ yếu của giống là: Miệng ở mút mõm, rãnh sau môi dưới không liên tục, không có râu, không có răng hầu mà hàm trên và hàm dưới đều có hai hàng răng hình thìa bám chặt vào; trước vây lưng có gai úp hướng trước phân hai và có sống lưng, có lườn bụng từ sau vây bụng đến hậu môn, có vây mỡ nhỏ ở sau vây lưng và thân phủ vẩy gai, phân bố ở nhiều nước thuộc Nam Mỹ như Paraguay, Argentina, Bolivia, Barazil (Ricardo M. C. Castro and Richard P. Vari (2004)). Ngay ở Trung Quốc cũng không thấy ghi nhận có cá này sống tự nhiên trong các sông mà nó được nhập từ Nam Mỹ vào nuôi năm 1996 với tên là *Prochilodus scrofa* Steindachner, 1881 (theo Max và nnk., 2003), tên đồng vật của loài *P. lineatus* (Valenciennes, 1836). Do đó gọi là “cá Trôi Trường Giang” là không chính xác và không phù hợp. Một số nơi ở nước ta còn gọi là “cá Vược nước ngọt” hoặc “cá Vược sông”. Theo Nguyễn Văn Hào (2005), cá Vược thuộc các họ Lateolabracidae hoặc Percichthyidae, bộ cá Vược Perciformes. Đặc điểm chủ yếu của các loài cá Vược khác hẳn với “cá Trôi Trường Giang” là: Miệng rộng, hai hàm có răng sắc nhọn, có hai vây lưng với nhiều gai cứng, không có vây mỡ sau vây lưng, không có sống lưng và cũng không có lườn bụng, thân được phủ vẩy lược hoặc vẩy tròn, không có vẩy dạng gai. Do vậy loài *Prochilodus lineatus* (Valenciennes) không thể dùng tên “cá Trôi Trường Giang” hoặc “Cá Vược sông” hay “Cá Vược nước ngọt” được mà cần đặt lại cho phù hợp. Dựa vào hình dáng, màu sắc và tập tính sinh sống của loài cá này giống cá Trôi ta, lại có nguồn gốc từ Nam Mỹ nên gọi là Cá Trôi Nam Mỹ là chính xác hơn cả.

3. Mô tả loài *Prochilodus lineatus* (Valenciennes, 1836)

Phân tích 25 mẫu, L = 118-234 mm, Lo = 100-225 mm, trong đó có 12 mẫu thu ở các khu nuôi cá tại xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, ngày 13/04/2009 và 13 mẫu thu tại ao nuôi tại Viện NCNTTS I – Bắc Ninh, ngày 23/06/2009.

Các mẫu tiêu biểu được lưu giữ tại Bảo tàng Viện NCNTTS I-Bắc Ninh.

* Các chỉ tiêu đếm

D = 2-3,9-10; A = 2,8; P = 1,14-16; V = 1-2,8; C = (18-20) + 2.

$L.l = 44. \frac{9}{8-v} 47$. Số vây trước vây lưng 17-19.

Số vây từ gốc A đến đường bên là 6-8. Vây sau vây lưng đến vây mõ 15-17. Vây dọc lườn bụng 11-14. Vây quanh cán đuôi 16-18.

Số lược mang cung I: 38-45 (43). Tia màng mỗi bên 4 chiếc. Số đốt sống toàn thân 44-45. Đốt sống thân 24, đốt sống đuôi 20-21.

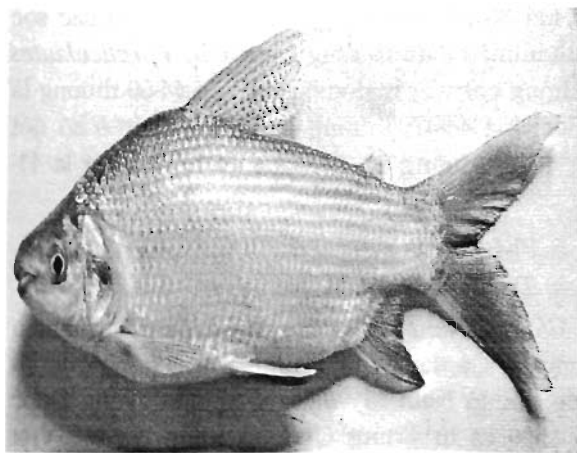
Lo = 2,69-3,55 (2,80); H = 2,90-3,92 (3,29); T = D = 7,82-13,20 (9,00) lcd = 7,70-10,33 (8,31) h.

T = 2,48-3,35 (2,67); Ot = 4,47-7,25 (5,23); O = 1,93-2,48 (2,11) Op = 1,19-2,29 (1,93) OO.

H = 2,69-3,67 (2,87) h; OO = 2,07-3,25 (2,51) O; PV = 0,71-0,93 (0,78) VA.

Lcd = 0,71-1,17 (0,930) h.

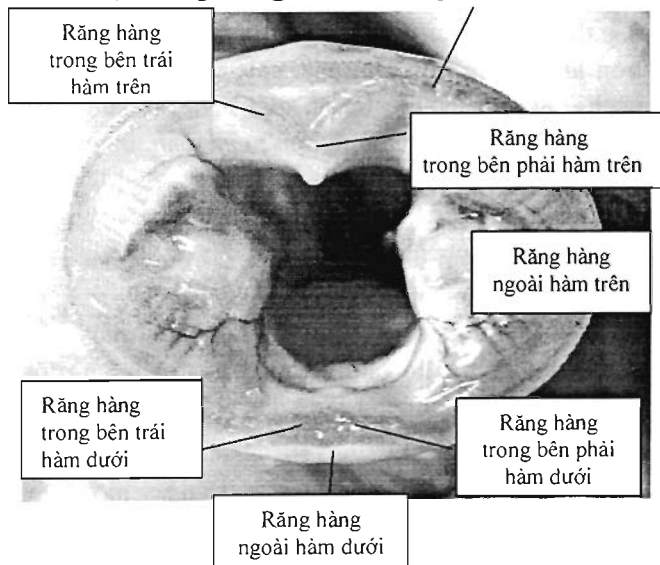
(L = 270 mm, Lo = 205 mm)



Hình 1. Cá Trôi Nam Mỹ *Prochilodus lineatus* (Valenciennes)

Thân dài và cao vừa phải, dẹp bên (hình 1). Viên lưng cong nông. Phần trước vây lưng đến đầu

có lườn nổi. Viên bụng hơi lõm từ mút của hàm đến hậu môn. Bụng tương đối tròn. Từ sau vây bụng đến vây hậu môn có lườn bụng. Đầu nhọn, ngắn.. Mồm ngắn, hơi nhô. Mỗi bên 2 lỗ mũi kề sát nhau, chỉ cách 1 cánh mũi. Lỗ mũi trước hình tròn, lỗ mũi sau hình lưới liềm, gần viên trước mắt hơn mút mồm. Mắt hơi chếch phía trên và ở nửa trước của đầu. Có mí mờ, phía trước phát triển, phía sau phát triển kém để hở phần lớn mắt. Khoảng cách hai mắt rộng và khum. Giữa đầu có một rãnh dọc từ gáy đến ngang lỗ mũi. Miệng ở mút mồm, hướng ngang, rạch kéo dài về sau chưa tới ngang mũi. Không có râu. Môi trên và dưới khá dày. Nếp thịt môi phát triển vừa phải, khi mở rộng miệng đĩa môi có hình ovan (hình 2). Môi trên và môi dưới được giới hạn bởi rất nhiều mấu thịt dạng hình cầu. Hàm trên và hàm dưới mỗi hàm đều có hai hàng răng. Các răng đều gắn chặt vào thịt phủ lên hàm, kích thước tương tự nhau và có dạng hình thia. Ở hàm trên chuỗi răng hàng ngoài từ 92-95 chiếc, chuỗi răng hàng trong bên phải là 13-24 chiếc, bên trái là 14-26 chiếc. Ở hàm dưới chuỗi răng hàng ngoài 70-72 chiếc, chuỗi răng hàng trong bên phải 7-16 chiếc và bên trái 8-18 chiếc. Tia màng mang hẹp, mỗi bên bốn chiếc. Màng mang mỏng, hẹp và liền với eo. Eo mang rộng, bằng đường kính mắt. Lược mang rất ngắn, dày và xếp xít nhau.



Hình 2. Cấu tạo miệng và răng của cá Trôi Nam Mỹ *Prochilodus lineatus* (Valenciennes)

Vây lưng viên sau bị cắt cụt, có những đốm nhỏ ở xa; tia không phân nhánh phía sau dài gần bằng 4 tia phân nhánh phía trước; các tia phân nhánh phía sau ngắn hơn nhiều. Khởi điểm vây lưng gần mút mồm hơn gốc vây đuôi hoặc tới mút mồm bằng tới

gốc sau vây mỡ. Phía trước vây lưng có một gai nằm úp, hướng ngược về phía trước, phân làm hai nhánh tương đối phát triển và có dạng hình tam giác. Vây mỡ nhỏ, nhọn, viền sau tròn, mút cuối tự do, mỏng và trong; khởi điểm ở phía trên và ngang với tia phân nhánh thứ 5 của vây hậu môn; chiều dài vây mỡ bằng 1,5 lần đường kính mắt và gốc vây mỡ vượt quá gốc sau vây hậu môn. Vây ngực nhọn, khởi điểm nằm giữa mút mõm và khởi điểm vây bụng, mút cuối nhọn, cách vây bụng bằng 0,25 khoảng cách P-V. Vây bụng cong, hình lưỡi liềm, khởi điểm nằm giữa khởi điểm vây ngực và vây hậu môn, mút sau nhọn, cách vây hậu môn bằng 0,42 khoảng cách VA. Vây hậu môn có khởi điểm lui về phía sau, cách gốc vây đuôi lớn hơn $\frac{1}{2}$ tới khởi điểm vây bụng, viền sau vây lõm; tia không phân nhánh phía sau dài nhất và gần bằng nhau.

Vây đuôi phân thùy sâu, mút nhọn và thùy trên dài hơn thùy dưới. Hậu môn cách vây hậu môn 3 tấm vây hoặc cách khởi điểm vây bụng bằng 5-6 lần tới vây hậu môn.

Thân phủ vẩy, đầu trơn láng. Vẩy phủ thân là dạng vẩy gai, các gai nhỏ mọc thành hai hàng ở mép vẩy và được lộ rõ ra ngoài nên vẩy rất nháp và cứng. Vẩy từ sau vây lưng đến vây mỡ tương đương với phần kế tiếp của cơ thể nhưng thiếu màng hình thìa dọc theo mép vẩy. Trên sống lưng trước vây lưng và trên lườn bụng đều phủ vẩy. Gốc vây bụng có vẩy nách, dày, mảnh, mút nhọn, dài bằng khoảng $\frac{1}{3}$ chiều dài vây bụng. Đường bên hoàn toàn, tương đối thẳng, chạy giữa thân và cán đuôi.

Bóng hơi hai ngăn: Ngăn trước ngắn và hẹp, ngăn sau dài gấp hai ngăn trước và rộng hơn, mút cuối nhỏ, nhọn. Ruột dài và chia làm ba phần: Phía trước là thực quản dài bằng 0,1 lần chiều dài ruột, tiếp đến là dạ dày to và dài bằng 0,15 chiều dài ruột và phần ruột sau nhỏ dài, ruột dài, chiều dài ruột gấp 2,3-2,6 lần chiều dài thân.

Màu sắc tự nhiên: Đầu phía trên và môi trên sáng sẫm; phía bụng và môi dưới trắng hoặc sang nhạt. Mống mắt màu đỏ thau. Thân và lưng sẫm, viền quanh vây sẫm; bụng màu trắng bạc. Khi cá còn nhỏ đều có 8-17 sọc ngang xanh sẫm, khi cá trưởng thành phần lớn các sọc mất hẳn. Có 10-14 sọc dọc thân xanh đậm, cá càng lớn sọc càng mờ. Vây lưng trên các tia có các chấm xanh đậm, tạo thành 10-15 sọc, nhưng phần màng không có chấm. Vây mỡ gốc

sẫm, viền sau nhạt và trong. Các vây khác gốc màu da cam, phía sau sẫm sẫm, viền sau nhạt và viền ngoài vàng cam. Đặc biệt viền sau vây hậu môn và vây đuôi có màu hồng sẫm rất đặc trưng.

4. So sánh với các loài trong giống

Giống *Prochilodus* ở Nam Mỹ có 13 loài. Loài *P. lineatus* không có các sọc ngang vây đuôi nên nó khác hẳn với các loài *P. brevis*, *P. lacustris*, *P. mariae*, *P. nigricans* và *P. rubrotaeniatus* là vì vây đuôi của chúng có 2-8 sọc ngang màu đậm. So với các loài vây đuôi không có các sọc ngang thì loài *P. lineatus* khác với loài *P. vimboides* là ở số lượng vây đường bên 44-50 (loài kia chỉ có 34-39 vây), số lượng vây quanh cán đuôi 17-21 (loài kia có 13-15 vây) và số đốt sống 42-45 (loài kia chỉ có 36-39); khác với loài *P. britskii* ở số vây quanh cán đuôi 17-21 (loài kia 13-14), số đốt sống 42-45 (loài kia chỉ có 39-41) và số răng bên trong của hàm dưới ở mỗi bên 9-18 (loài kia là 6-7); khác với loài *P. hartii* là ở số vây đường bên 44-50 (loài kia là 40-43); số vây quanh cán đuôi 17-21 (loài kia 14-16) và đốt sống 42-44 (loài kia 37-40); khác với loài *P. magdalenae* ở số lượng đốt sống 42-44 (loài kia 39-42), loài *P. lineatus* có các sọc đen dọc cơ thể thì loài *P. magdalenae* thiếu sắc tố này hoặc ít và rời rạc, số vây đường bên 44-50 thường là 44-46 (loài kia 43-46); khác với loài *P. argenteus* ở số vây giữa vây lưng và đường bên 8-9 (loài kia 10-11 thường là 11), khác ở số vây trước vây lưng 14-20 thường 16 (loài kia 17-22, thường 18-21) và khác ở vây đường bên 44-50, hầu hết là 47 (loài kia là 48); khác với loài *P. reticulatus* là ở số đốt sống 42-44 (loài kia 38-40), khác là loài *P. lineatus* có các sọc dọc thân màu đậm rõ ràng (ngược lại *P. reticulatus* thì không có) và vây dọc đường bên 44-50 thường là 47 (loài kia 44-47, thường là 45) và khác ở số đốt sống 42-44 thường 43 (loài kia 41-43, thường là 41-42).

5. Phân bố

a. Trong nước

Cá Trôi Nam Mỹ không có nguồn gốc tự nhiên ở nước ta. Cá đang được nuôi dưỡng ở nước ta có nguồn gốc từ Nam Mỹ được nhập vào Trung Quốc năm 1996 và từ Trung Quốc di nhập lậu vào Việt Nam năm 2003 qua đường tiểu ngạch. Hiện tại cá được nuôi ở hầu hết các tỉnh của Việt Nam, nhiều nhất ở: Vĩnh Phúc, Nam Định, Thái Nguyên, Bắc Ninh...

b. Thế giới

Cá phân bố rộng rãi ở các vùng nước tự nhiên ở Nam Mỹ thuộc các nước: Paraguay, Argentina, Bolivia, Brazil. Một số nước trên thế giới cũng di nhập vào để nuôi như Trung Quốc, Việt Nam, và một số nước Đông Nam Á khác.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu « Cá Trôi Trường Giang » đang nuôi ở nước ta cho thấy:

Cá có tên khoa học là *Prochilodus lineatus* (Valenciennes, 1836), thuộc giống *Prochilodus* Agassiz, 1829, họ Prochilodontidae, bộ Characiformes. Cá có nguồn gốc Nam Mỹ, phân bố tự nhiên chủ yếu ở Paraguay, Argentina, Bolivia, Brazil... được nhập vào Trung Quốc năm 1996 và từ Trung Quốc được nhập tự do vào nước ta từ năm 2003 và đang được nuôi rộng rãi. Cá nhập với tên tiếng Việt là « Cá Trôi Trường Giang », một số nơi còn gọi là 'Cá Vược sông' và « Cá Vược nước ngọt » là không phù hợp với đặc điểm hình thái, sinh học và nguồn gốc nên đổi tên tiếng Việt là Cá Trôi Nam Mỹ là chính xác hơn cả vì nó giống với Cá Trôi có nguồn gốc Nam Mỹ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Froese R. and D. Pauly (2009). Fishbase World Wide Web electronic publication.
2. Nguyễn Văn Hào (2005 a). Cá nước ngọt Việt Nam, tập II. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 759p (pp 317-319).
3. Nguyễn Văn Hào (2005 b). Cá nước ngọt Việt Nam, tập III. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội. 759 p (pp 162-175).
4. Ma X., Bangxi X., Yindong W. & Mingxue W. (2003). Internationally introduced and trangeweb fishes in China's inland. Waters Astan Fisheris Science, 16: 279-290 pp.
5. Castro M. C. R and R. P. Vari, 2004. Destritivores of the South American fish Family *Prochilodontiae* (Teleostei: *Ostariophysi*: *Characiformes*): A Phylogentic and Revisionary Study. Smithsonian Contribution and Studies series. An Imprint of Smithsonian Books Washington, D.C, 189 P (pp 80-144).

IDENTIFIED THE SCIENTIFIC, VIETNAMESE NAMES "CA TROI TRUONG GIANG" IN VIET NAM

Nguyen Van Hao, Pham Duc Luong, Vu Thi Hong Nguyen

Summary

"Ca Troi Truong Giang" has been imported into Vietnam through the unofficial cross border trade since 2003 and become a popular culture species. However, scientific and Vietnamese names have been yet identified. 'Ca Troi Truong Giang' has completely different characteristics, comparing with *Similabeo decorus* (Peters, 1880) belonging to *Labeoninae*, Cyprinidae, Cypriniformes which is distributed in Yangtze river and some large rivers in South China. Results of this study showed that 'Ca Troi Truong Giang' is similar to *Prochilodus lineatus* (Valenciennes, 1836), *Prochilodus* Agassiz, 1829, Prochilodontidae, Characiformes. That species is mainly distributed in the water bodies of South American countries such as Paraguay, Argentina, Bolivia, Brazil, etc., and did not exist in Chinese rivers until 1996 when imported from South America with a scientific name of *Prochilodus scrofa* Steindachner, 1881, one of *P. lineatus* synonym (Valenciennes, 1836). Based on the results, it is clearly to show that the Vietnamese name "Ca Trôi Trường Giang" is not suitable with the fish origin, habitat and other characters. Therefore, "Cá Trôi Nam Mỹ" is most suitable name being selected for this species.

Keyword: *Prochilodus lineatus* (Valenciennes), *Prochilodus*, Prochilodontidae, Characiformes, development in Vietnam.

Người phản biện: GS.TS. Mai Đình Yên